

## QUYẾT ĐỊNH

**Của Thủ tướng Chính phủ số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn**

Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2004, được sửa đổi bởi:

Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1409/BNN-HTX ngày 23 tháng 6 năm 2004); Ủy ban Dân tộc (Công văn số 398/UBDT-CSĐT ngày 28 tháng 6 năm 2004); Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 1986/LĐTBXH-BTXH ngày 21 tháng 6 năm 2004); Xây dựng (Công văn số 934/BXD-QLN ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 2019/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tư pháp (Công văn số 975/TP/PLHSHC ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tài chính (Công văn số 7184 TC/NSNN ngày 29 tháng 6 năm 2004), Hội đồng dân tộc của Quốc hội (Công văn số 443 CV/HĐDT ngày 17 tháng 6 năm 2004),<sup>1</sup>*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn nhằm

---

<sup>1</sup> Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,”*

mục đích cùng với việc thực hiện các chương trình kinh tế- xã hội, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo để có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

### 1.<sup>2</sup> Đối tượng:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã quản lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp; chưa có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất và có khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt.

### 2. Nguyên tắc:

a) Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nhà ở, nước sinh hoạt trực tiếp đến hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo;

b) Bảo đảm công khai, công bằng đến từng hộ, buôn, làng trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước;

c) Phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hoá của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của từng địa phương;

d) Các hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nhà ở, nước sinh hoạt phải trực tiếp quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo. Trường hợp đặc biệt, khi hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở có nhu cầu di chuyển đến nơi khác thì phải ưu tiên chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất và đất ở cho chính quyền địa phương để giao lại cho hộ đồng bào dân tộc nghèo khác.

Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không theo quy định này, Nhà nước sẽ thu hồi không bồi hoàn để giao cho hộ đồng bào dân tộc chưa có đất hoặc thiếu đất.

### **Điều 2. Về chính sách:**

#### 1. Đối với đất sản xuất:

Mức giao đất sản xuất tối thiểu một hộ là 0,5 ha đất nương, rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa nước một vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước hai vụ. Căn cứ quỹ đất cụ thể của từng địa phương, khả năng lao động và số nhân khẩu của từng hộ và khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào với mức cao hơn.

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

2.<sup>3</sup> Đối với đất ở; căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo với mức phù hợp với điều kiện và tập quán ở địa phương.

Việc hỗ trợ đất sản xuất và đất ở đối với hộ đồng bào dân tộc Khme nghèo do đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nhà nước sẽ có chính sách riêng.

3. Về nhà ở : Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ (kể cả đồng bào dân tộc Khme) hiện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá tạm bợ và đã hư hỏng, đột nát thì thực hiện phương châm: Nhân dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ và cộng đồng giúp đỡ.

a)<sup>4</sup> Ngân sách trung ương hỗ trợ 6 triệu đồng/hộ để làm nhà ở. Các địa phương có trách nhiệm hỗ trợ thêm ngoài phần ngân sách trung ương hỗ trợ và huy động cộng đồng giúp đỡ các hộ làm nhà ở.

b) Đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt thì cho phép ủy ban nhân dân cấp tỉnh được khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ đồng bào làm nhà ở. Mức gỗ hỗ trợ cụ thể cho mỗi hộ làm nhà ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Nghiêm cấm việc lợi dụng khai thác gỗ hỗ trợ làm nhà ở để chặt phá rừng

4. Về hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt :

a)<sup>5</sup> Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sống phân tán ở vùng cao, núi đá, khu vực khó khăn về nguồn nước sinh hoạt được ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 0,5 tấn xi măng/hộ hoặc hỗ trợ 400.000 đồng/hộ để xây dựng bể chứa nước mưa, đào giếng nước... giải quyết nước sinh hoạt.

Các định mức hỗ trợ trên chỉ áp dụng cho các đối tượng thực hiện từ năm 2007.

b) Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% cho các thôn, bản có từ 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trở lên; hỗ trợ 50% đối với các thôn, bản có từ 20% đến dưới 50% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các địa phương khi xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào phải bảo đảm tính bền vững và hiệu quả.

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>5</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

**Điều 3.** Quỹ đất để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở, bao gồm :

1. Đất công Nhà nước thu hồi theo quy hoạch. Đất điều chỉnh giao khoán trong các nông trường, lâm trường;

2. Đất thu hồi từ các nông trường, lâm trường hiện đang quản lý nhưng sử dụng kém hiệu quả; đất cho thuê, mượn hoặc cho mượn;

3. Khai hoang đất trống đồi núi trọc, đất chưa sử dụng;

4. Đất thu hồi từ các doanh nghiệp sản xuất không hiệu quả, sử dụng sai mục đích hoặc giải thể; đất thu hồi từ các cá nhân chiếm dụng hoặc cấp đất trái phép.

5. Đất do nông trường, lâm trường đang quản lý và sử dụng mà trước đây đất này do đồng bào dân tộc tại chỗ sử dụng thì nay phải điều chỉnh giao khoán lại (kể cả diện tích đất có vườn cây công nghiệp, rừng trồng) cho hộ đồng bào chưa được giao đất sản xuất hoặc chưa đủ đất sản xuất để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định chung. Mức giao khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Đất do hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đang sinh sống và sử dụng ổn định từ trước đến nay, hiện thuộc quyền quản lý của các nông trường, lâm trường, thì các nông trường, lâm trường tiến hành bàn giao diện tích đất trên cho chính quyền địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ theo quy định.<sup>6</sup>

6. Đất điều chỉnh từ các hộ gia đình tặng, cho hoặc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

7.<sup>7</sup> Trường hợp không có đất sản xuất nông nghiệp thì giao đất sản xuất lâm nghiệp, hạn mức giao thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; được hưởng các quyền lợi theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ khi tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên đất được giao quy định tại điểm 1 mục III Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

<sup>6</sup> Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>7</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

8.<sup>8</sup> Việc thu hồi đất của các nông, lâm trường thực hiện theo Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và Quyết định số 57/2007/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg.

9.<sup>9</sup> Trường hợp các địa phương khó khăn về quỹ đất, không có điều kiện giải quyết hỗ trợ đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg thì các địa phương chủ động giải quyết thay thế bằng hỗ trợ chuyển đổi sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

#### **Điều 4. Hỗ trợ để tạo quỹ đất sản xuất và đất ở.**

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ để tạo quỹ đất sản xuất và đất ở, bao gồm : Khai hoang, đền bù khi thu hồi đất, nhận chuyển nhượng lại của hộ có nhiều đất với mức bình quân 5 triệu đồng/ ha. Các tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình mà có quy định cụ thể.

2. Các Nông trường, Lâm trường được giao nhiệm vụ tổ chức cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất thì cũng được ngân sách Trung ương hỗ trợ khai hoang bình quân 5 triệu đồng/ha; đồng thời hỗ trợ vốn làm đường giao thông, đầu tư lưới điện và xây dựng công trình thủy lợi nhỏ.

#### **Điều 5. Nguồn vốn thực hiện**

1.<sup>10</sup> Ngân sách trung ương bảo đảm các khoản chi theo định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này và hỗ trợ một phần chi phí quản lý cho các địa phương khó khăn về ngân sách.

2.<sup>11</sup> Ngân sách địa phương bố trí kinh phí không dưới 20% so với số vốn ngân sách trung ương bảo đảm, đồng thời huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp

---

<sup>8</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>9</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>10</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>11</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

khác để thực hiện mục tiêu, chính sách này. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách (phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương) thì hỗ trợ bổ sung phần vốn đối ứng (20%) được xác định theo khối lượng còn lại của các năm 2007 và 2008, cụ thể theo các mức sau: 20% cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương trên 70% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2007; 15% cho các địa phương nhận bổ sung từ 50% - 70%; 10% cho các địa phương nhận bổ sung dưới 50%.

3.<sup>12</sup> Các địa phương chủ động bố trí kinh phí quản lý bằng 0,5% tổng mức vốn đầu tư và kinh phí để thực hiện việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (đối với địa phương ngân sách khó khăn được ngân sách trung ương hỗ trợ một phần kinh phí quản lý; đối với các địa phương tự cân đối ngân sách, địa phương phải tự đảm bảo kinh phí quản lý từ ngân sách địa phương).

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện :**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc nghèo.

a) Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều tra lập danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở và có khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt trên địa bàn.

b) Lập và phê duyệt đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn tỉnh mình (kể cả việc ra quyết định điều chỉnh khoán và thu hồi đất của các nông, lâm trường do các Bộ và các cơ quan, đơn vị quản lý trên địa bàn), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kế hoạch hàng năm.

Các công việc trên phải hoàn thành trong quý 3 năm 2004. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan để xem xét, giải quyết.

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan, các cấp chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy nhanh việc xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc.

<sup>12</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

d) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo các chính sách đến được từng hộ đồng bào dân tộc; không được để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

đ)<sup>13</sup>Thời gian thực hiện Quyết định đến hết năm 2008.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn và giúp đỡ các địa phương trong việc xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi nhỏ, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, giải quyết nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng phát triển sản xuất xoá đói giảm nghèo.

3. Bộ Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

4.<sup>14</sup> Căn cứ đề án giải quyết đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban Dân tộc chủ trì tổng hợp kế hoạch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các địa phương trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách cụ thể việc thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường (kể cả vườn cây lâu năm, rừng trồng) để giao khoán cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.

6. Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 154/2002/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và hộ dân thuộc diện chính sách ở các tỉnh Tây Nguyên mua trả chậm nhà ở.<sup>15</sup>

<sup>13</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>14</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008.

<sup>15</sup> Điều 2 và Điều 3 của Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2008 quy định như sau:

*“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.*

**Điều 8.** Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: *10* /VBHN-BTNMT

Hà Nội, ngày *10* tháng *12* năm 201*8*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở TN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PG

**BỘ TRƯỞNG**



*Trần Hồng Hà*

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./”